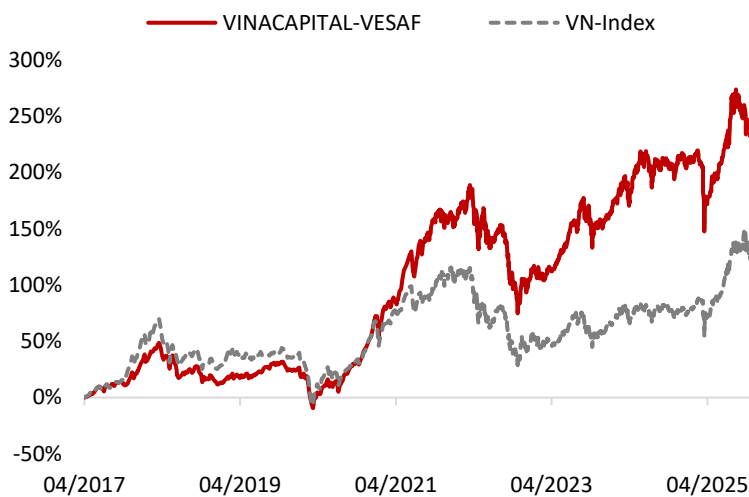


VINACAPITAL-VESAF

Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng phương pháp chọn cổ phiếu từ dưới lên, kết hợp với phân tích vĩ mô và ngành. Quỹ tập trung vào các doanh nghiệp có thị trường mục tiêu rộng lớn, mô hình kinh doanh dễ mở rộng và lợi thế cạnh tranh đặc thù, cũng như các cơ hội định giá hấp dẫn từ các doanh nghiệp đang phục hồi hoặc tái cấu trúc.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VESAF

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	2,432.0	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	33,734.3	
Lợi nhuận tháng 11/2025 (%)	(2.1)	3.1
Lợi nhuận từ đầu năm 2025 (%)	7.0	33.5
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	19.5	17.3
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	18.6	11.0
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	15.2	10.6
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	237.3	138.4

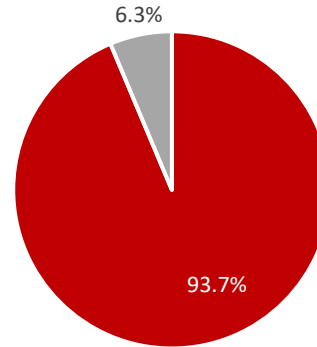
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [irwm@vinacapital.com](mailto:irwm@vinacapital.com)

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	Từ ngày 1 đến ngày 364: 2%
	Từ ngày 365 đến ngày 729: 1%
	Từ ngày 730 trở đi: 0%
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

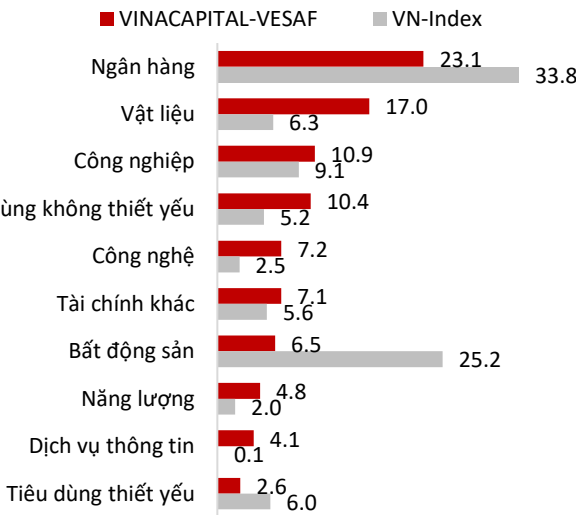
Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E 2025 (x)	12.4	13.5
Chỉ số P/B 2025 (x)	1.7	2.1
Chỉ số ROE 2025 (%)	14.1	15.5
Tỷ suất cổ tức 2025 (%)	2.1	1.7
Vòng quay danh mục (5 năm) (%)	55.8	-
Hệ số Sharpe (5 năm)	0.8	0.4
Hệ số Beta (5 năm)	0.9	1.0
Số lượng cổ phiếu	30.0	418

Nguồn: dự báo của VinaCapital

**Phân bổ theo ngành**

**% Giá trị tài sản ròng**



**Danh mục đầu tư lớn**

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
MBB	Ngân hàng	12.1
DGC	Vật liệu	10.7
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	5.9
BVH	Tài chính khác	5.4
FPT	Công nghệ	4.9
GMD	Công nghiệp	4.6
ACB	Ngân hàng	4.5
CTG	Ngân hàng	4.5
REE	Công nghiệp	3.2
FOX	Dịch vụ thông tin	3.0

**Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF**

**CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Sau hai tháng giảm liên tiếp, chỉ số VN-Index tăng 3,1% trong tháng 11. Tuy nhiên, toàn bộ mức tăng này đến từ nhóm cổ phiếu thuộc Tập đoàn Vingroup, với VIC và VPL lần lượt tăng 36% và 23%. Phần lớn thị trường còn lại vẫn chịu áp lực bán, đặc biệt ở các nhóm Công nghệ (-5,9%), Tài chính (-2,1%) và Vật liệu (-2,0%). Nếu loại trừ đóng góp của VIC và VPL, chỉ số VN-Index thực tế đã giảm trong tháng 11. Diễn biến kém tích cực cũng xuất hiện ngay cả ở các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm tăng trưởng tốt, làm gia tăng tâm lý hoài nghi của nhà đầu tư.

Thanh khoản thị trường tiếp tục suy yếu, với giá trị giao dịch bình quân ngày trên cả ba sàn chỉ còn 25,3 nghìn tỷ đồng – mức thấp nhất trong 5 tháng. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng 8,2 nghìn tỷ đồng, nâng tổng giá trị bán ròng lũy kế từ đầu năm lên 137 nghìn tỷ đồng, mức cao kỷ lục. Việc thị trường được nâng hạng lên nhóm thị trường mới nổi vẫn chưa tạo ra sức hút đáng kể đối với dòng vốn nước ngoài, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất trong nước tăng.

Về kinh tế vĩ mô, sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực, với chỉ số IIP tăng 2,3% so với tháng trước và 10,8% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ ngành chế biến – chế tạo tăng 11,8%. Hoạt động xuất khẩu tiếp tục phục hồi, tăng 15,1% so với cùng kỳ trong 11 tháng đầu năm, trong khi đơn hàng xuất khẩu mới đạt mức cao nhất trong 15 tháng theo báo cáo PMI của S&P Global.

Ở chiều ngược lại, tiêu dùng nội địa chững lại, với tăng trưởng bán lẻ thực tế đạt 6,8%, thấp hơn mức 7,1% của 10 tháng đầu năm, do ảnh hưởng của mưa lũ tại khu vực Nam Trung Bộ. Lạm phát tháng 11 tăng nhẹ lên 3,6%, chủ yếu do giá lương thực – thực phẩm tăng.

Lãi suất và tỷ giá tiếp tục là những yếu tố được chú ý. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm tăng lên 5,3% trong tháng 11 và vượt 7% trong tuần đầu tháng 12. Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng đã tăng thêm 100–150 điểm cơ bản trong ba tháng gần đây, với phần lớn ngân hàng thương mại tư nhân huy động ở mức trên 7%. Mặt bằng lãi suất cao giúp tỷ giá USD/VND ổn định, gần như đi ngang so với cuối tháng 9, trong khi chênh lệch giữa tỷ giá thị do và tỷ giá liên ngân hàng thu hẹp từ hơn 6% xuống khoảng 4%.

**CẬP NHẬT QUỸ VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ**

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) của VINACAPITAL-VESAF giảm 2,1% trong tháng 11. Mức giảm tuyệt đối phản ánh áp lực bán lan rộng ở nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong bối cảnh thanh khoản suy yếu.

Bảo Việt (BVH) đóng góp tích cực cho danh mục. Như đã được trình bày trong podcast của VinaCapital, thị trường vẫn đang định giá chưa đúng tiềm năng dài hạn của BVH, bỏ qua lợi thế ngắn hạn đến từ lợi suất trái phiếu tăng cũng như mức định giá rất rẻ của cổ phiếu. Kết quả tháng 11 cho thấy thị trường bắt đầu nhìn lại các yếu tố cơ bản này.

Thiên Long (TLG) cũng hỗ trợ hiệu suất quỹ khi tăng 3,7% trong tháng. VINACAPITAL-VESAF đã giới thiệu TLG trong báo cáo tháng 2/2025 như một doanh nghiệp SMID-cap chất lượng cao với triển vọng tăng trưởng mạnh tại ASEAN. Thương vụ Kokuyo mua lại cổ phần chi phối vào tháng 12 càng củng cố đánh giá rằng TLG sở hữu lợi thế cạnh tranh bền vững, đặc biệt là khả năng tăng giá sản phẩm thông qua thương hiệu. VINACAPITAL-VESAF tiếp tục kiên định với chiến lược tìm kiếm các doanh nghiệp SMID-cap có nền tảng tài chính vững, mô hình kinh doanh rõ ràng và triển vọng tăng trưởng dài hạn hấp dẫn.

**Lợi nhuận hằng tháng**

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
<b>2023</b>	9.9%	-5.2%	2.1%	1.8%	5.7%	3.5%	9.4%	3.8%	-1.2%	-11.2%	8.2%	2.5%	30.9%
<b>2024</b>	2.5%	5.7%	5.2%	-4.3%	6.9%	1.0%	0.2%	1.8%	0.2%	-1.1%	-0.2%	2.6%	22.1%
<b>2025</b>	-0.6%	0.7%	-3.9%	-8.2%	6.0%	5.6%	4.6%	13.3%	-5.0%	-2.0%	-2.1%		7.0%

**Thông tin quan trọng**

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.